

Số: **40** /2022/QĐ-UBND

Bình Định, ngày **03** tháng **8** năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội khóa XV về việc phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 02/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025;*

*Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 168/TTr-SLĐTBXH ngày 4 tháng 7 năm 2022 và của Sở Tư pháp tại Báo cáo kết quả thẩm định số 147/BC-STP ngày 31 tháng 5 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2022 và thay thế Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình 30a, Chương trình 135 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Định, giai đoạn 2018-2020.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp, Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh; Chính phủ (*báo cáo*);
- Các Bộ: Lao động - TB&XH, Kế hoạch và Đầu tư; Nông nghiệp và PTNT
- Tài chính; Thông tin và Truyền thông;
- Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, hội đoàn thể liên quan;
- Lãnh đạo, CV VPUBND tỉnh;
- Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Lưu: VT, K20. *Su*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tuấn Thanh**

## QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025**

(Kèm theo Quyết định số **40** /2022/QĐ-UBND ngày **03** tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định)



## Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây viết tắt là Chương trình).

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây viết tắt là UBND cấp huyện) và đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình.

### Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn

1. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình phải tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

2. Bảo đảm công khai, minh bạch, quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban, ngành của tỉnh và UBND các cấp.

3. Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững, trọng tâm là huyện nghèo.

4. Việc phân bổ cụ thể ngân sách Trung ương, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa

phương phải phù hợp với tình hình thực tế, khả năng cân đối của ngân sách nhà nước; mục tiêu, nhiệm vụ, dự kiến kết quả thực hiện kế hoạch hằng năm và tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công, kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư công năm trước.

5. Không phân bổ vốn của Chương trình để chi cho các hoạt động thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước đã được bố trí đầy đủ từ nguồn vốn chi thường xuyên.

#### **Điều 4. Quy định chung về tiêu chí phân bổ vốn**

1. Quy mô dân số của cấp huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh năm 2021.

2. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo và tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của cấp huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào số liệu công bố kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2022 - 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Huyện khu vực miền núi, vùng cao, biên giới đất liền; đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện để tính hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của cơ quan có thẩm quyền đến ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. Huyện nghèo theo Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025 và các Quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền.

5. Trường hợp địa bàn đáp ứng nhiều chỉ số trong cùng một tiêu chí phân bổ vốn thì áp dụng chỉ số có hệ số phân bổ vốn cao nhất.

#### **Điều 5: Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2025**

Ngoài nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách Trung ương, căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách địa phương, các huyện, thị xã, thành phố bố trí vốn từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác trên địa bàn hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững theo mục tiêu kế hoạch hằng năm và 5 năm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Hằng năm, ngân sách địa phương đối ứng tối thiểu bằng 15% tổng ngân sách trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình, trong đó: Ngân sách tỉnh đối ứng phần kinh phí của các sở, ban, ngành của tỉnh và hỗ trợ đối ứng cho cấp huyện, cụ thể như sau:

1. Các huyện miền núi Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão: Ngân sách huyện đối ứng 10%, ngân sách tỉnh đối ứng 90%.

2. Các huyện trung du Hoài Ân, Tây Sơn: Ngân sách huyện đối ứng 30% ngân sách tỉnh đối ứng 70%.

3. Các huyện Tuy Phước, Phù Cát, Phù Mỹ: Ngân sách huyện đối ứng 50%, ngân sách tỉnh đối ứng 50%.

4. Các thị xã An Nhơn, Hoài Nhơn: Ngân sách thị xã đối ứng 60%, ngân sách tỉnh đối ứng 40%.

5. Đối với thành phố Quy Nhơn: Ngân sách thành phố đối ứng 70%, ngân sách tỉnh đối ứng 30%.

## Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### **Điều 6. Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội huyện nghèo**

Phân bổ 100% vốn ngân sách nhà nước để hỗ trợ đầu tư phát triển cho huyện An Lão, trong đó: Vốn sự nghiệp duy tu bảo dưỡng bằng 10% vốn đầu tư phát triển theo kế hoạch vốn đầu tư phát triển trung hạn cho huyện nghèo.

### **Điều 7. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**

1. Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho Dự án: Tối đa 15% cho các sở, ban, ngành của tỉnh; tối thiểu 85% cho cấp huyện.

2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương:

a) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 5%	0,5
Từ 5% đến dưới 15%	0,6
Từ 15% trở lên	0,7

b) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,45
Từ 2.000 đến dưới 5.000 hộ	0,5
Từ 5.000 hộ trở lên	0,6

c) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

d) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 11 xã	1
Từ 11 xã đến 16 xã	1,15
Từ 17 xã trở lên	1,3

### 3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện:

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng cấp huyện được tính theo công thức:

$$C_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$C_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho cấp huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo, tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện thứ  $i$  theo công thức:  $Y_i = 0,12 \cdot HN_i \times 2,5 + DV_i$ .

$HN_i$  là hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo).

$DV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện.

$Q$  là vốn bình quân cho một cấp huyện được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách Trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho cấp huyện để thực hiện Dự án 2 của Chương trình.

#### **Điều 8. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**

1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước của Tiểu dự án: Tối đa 2% cho các sở, ban, ngành của tỉnh; tối thiểu 98% cho cấp huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương:

(1) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo cấp huyện.

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 5%	0,5
Từ 5% đến dưới 15%	0,6
Từ 15% trở lên	0,7

(2) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo cấp huyện.

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,45
Từ 2.000 đến dưới 5.000 hộ	0,5
Từ 5.000 hộ trở lên	0,6

## (3) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

## (4) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 11 xã	1
Từ 11 xã đến 16 xã	1,15
Từ 17 xã trở lên	1,3

## c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện:

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng cấp huyện được tính theo công thức:

$$Đ_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$Đ_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho cấp huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện thứ  $i$ , được tính theo công thức:  $Y_i = 0,12 \cdot HN_i \times 2,5 + ĐV_i$

$HN_i$  là hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo).

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một cấp huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách Trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho cấp huyện để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 3.

## 2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho Tiểu dự án: Tối đa 10% cho các sở, ban, ngành của tỉnh; tối thiểu 90% cho cấp huyện.

## b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương:

## (1) Tiêu chí 1: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

(2) Tiêu chí 2: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 11 xã	1
Từ 11 xã đến 16 xã	1,15
Từ 17 xã trở lên	1,3

(3) Tiêu chí 3: Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi của cấp huyện

Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi của trẻ em dưới 5 tuổi	Hệ số
Từ 25% đến dưới 30%	1,4
Từ 20% đến dưới 25%	1,2
Dưới 20%	1

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thấp còi theo số liệu năm 2020 của Sở Y tế cung cấp từ tổng hợp Viện Dinh dưỡng, Bộ Y tế.

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho cấp huyện:

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng cấp huyện được tính theo công thức:

$$E_i = Q \cdot Y_i \cdot DD_i$$

Trong đó:

$E_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho cấp huyện thứ  $i$ .

$DD_i$  là hệ số tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi trẻ em dưới 5 tuổi của cấp huyện thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện thứ  $i$  theo công thức:  $Y_i = 0,12 \cdot HN_i \times 3 + ĐV_i$

$HN_i$  là hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo).

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một cấp huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n Y_i \cdot DD_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho cấp huyện để thực hiện Tiêu dự án 2 thuộc Dự án 3.

#### **Điều 9. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững**

1. Tiêu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Đối với vốn đầu tư phát triển: 100% vốn đầu tư phát triển ngân sách nhà



nước để hỗ trợ đầu tư các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

- Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn:

(1) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

<b>Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 5%	0,5
Từ 5% đến dưới 15%	0,6
Từ 15% trở lên	0,7

Tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của tỉnh được sử dụng tính hệ số cho các trường Cao đẳng trên địa bàn.

(2) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện.

<b>Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 2.000 hộ	0,45
Từ 2.000 đến dưới 5.000 hộ	0,5
Từ 5.000 hộ trở lên	0,6

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo bình quân chung của tỉnh được sử dụng tính hệ số cho các trường Cao đẳng trên địa bàn.

(3) Tiêu chí 3: Số lượng tuyển sinh

<b>Số lượng tuyển sinh</b>	<b>Hệ số</b>
Dưới 2.000 người/năm	0,5
Từ 2.000 người/năm trở lên	0,6

Số lượng tuyển sinh để tính hệ số theo số liệu tuyển sinh năm 2020 mà các địa phương, đơn vị báo cáo và được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp.

- Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn:

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ được tính theo công thức:

$$H_i = Q.X_i$$

Trong đó:

$H_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng đơn vị thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí của đơn vị thứ  $i$  theo công thức:  $X_i = (TL_i + QM_i) \times 3 + TS_i$

$TL_i$  là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo cấp huyện có đơn vị thứ  $i$ .

$QM_i$  là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo cấp huyện có đơn vị thứ  $i$ .

$TS_i$  là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh trên địa bàn cấp huyện có đơn vị thứ  $i$ .

Q là vốn bình quân cho một đơn vị được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

G là tổng số vốn đầu tư phát triển ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) để phân bổ Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

b) Đối với vốn sự nghiệp

- Phân bổ tối đa 20% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) của Tiểu dự án cho các sở, ban, ngành của tỉnh.

- Phân bổ tối đa 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) của Tiểu dự án để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh.

+ Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn:

(1) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 5%	0,5
Từ 5% đến dưới 15%	0,6
Từ 15% trở lên	0,7

Tổng tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của tỉnh được sử dụng tính hệ số cho các trường Cao đẳng trên địa bàn.

(2) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,45
Từ 2.000 đến dưới 5.000 hộ	0,5
Từ 5.000 hộ trở lên	0,6

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo bình quân chung của tỉnh được sử dụng tính hệ số cho các trường Cao đẳng trên địa bàn.

(3) Tiêu chí 3: Số lượng tuyển sinh

Số lượng tuyển sinh	Hệ số
Dưới 2.000 người/năm	0,5
Từ 2.000 người/năm trở lên	0,6

Số lượng tuyển sinh để tính hệ số theo số liệu tuyển sinh năm 2020 mà các địa phương, đơn vị báo cáo và được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp.

+ Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho đơn vị:

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng đơn vị được tính theo công thức:

$$I_i = Q.X_i$$

Trong đó:

$I_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho đơn vị thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí của đơn vị thứ  $i$  theo công thức:  $X_i = (TL_i + QM_i) \times 3 + TS_i$

$TL_i$  là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện có đơn vị thứ  $i$ .

$QM_i$  là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện có đơn vị thứ  $i$ .

$TS_i$  là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh của của cấp huyện có đơn vị thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một đơn vị, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

$G$  là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ để hỗ trợ một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

- Phân bổ tối thiểu 40% tổng số vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) của Tiểu dự án cho các cấp huyện để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

+ Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương:

(1) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 5%	0,5
Từ 5% đến dưới 15%	0,6
Từ 15% trở lên	0,7

(2) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,45
Từ 2.000 đến dưới 5.000 hộ	0,5
Từ 5.000 hộ trở lên	0,6

(3) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
------------------	-------

Huyện nghèo	0,12
-------------	------

(4) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 11 xã	1
Từ 11 xã đến 16 xã	1,15
Từ 17 xã trở lên	1,3

(5) Tiêu chí 5: Số lượng tuyển sinh

Số lượng tuyển sinh	Hệ số
Dưới 2.000 người/năm	0,5
Từ 2.000 người/năm trở lên	0,6

Số lượng tuyển sinh để tính hệ số theo số liệu tuyển sinh năm 2020 mà các địa phương báo cáo và được Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp.

+ Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương:

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng cấp huyện được tính theo công thức:

$$K_i = Q.X_i$$

Trong đó:

$K_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho cấp huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí của đơn vị thứ  $i$ , được tính theo công thức:

$$X_i = TL_i + QM_i + 0,12.HN_i + DV_i + TS_i$$

$TL_i$  là hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện thứ  $i$ .

$QM_i$  là hệ số tiêu chí tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện thứ  $i$ .

$HN_i$  là hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo).

$DV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện thứ  $i$ .

$TS_i$  là hệ số tiêu chí số lượng tuyển sinh của của cấp huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một đơn vị, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i}$$

$G$  là tổng số vốn sự nghiệp ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho cấp huyện thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 của Chương trình để hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

Phân bổ ngân sách nhà nước của Tiểu dự án: Tối đa 18% cho các sở, ban, ngành của tỉnh; tối thiểu 82% cho huyện An Lão.

3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Phân bổ ngân sách nhà nước của Tiểu dự án: Tối đa 10% cho các sở, ban, ngành của tỉnh; tối thiểu 90% cho cấp huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương:

(1) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 5%	0,5
Từ 5% đến dưới 15%	0,6
Từ 15% trở lên	0,7

(2) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,45
Từ 2.000 đến dưới 5.000 hộ	0,5
Từ 5.000 hộ trở lên	0,6

(3) Tiêu chí 3: Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên trên địa bàn cấp huyện

Lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên	Hệ số
Dưới 30.000 người	1
Từ 30.000 đến dưới 80.000 người	1,3
Từ 80.000 đến dưới 130.000 người	1,6
Từ 130.000 đến dưới 180.000 người	1,9

Số liệu lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên do Cục Thống kê tỉnh cung cấp năm 2020.

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương:

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng cấp huyện được tính theo công thức:

$$M_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$M_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho cấp huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện thứ  $i$ .

$Y_i$  là hệ số lực lượng lao động từ đủ 15 tuổi trở lên của cấp huyện thứ  $i$ .

Q là vốn bình quân của một cấp huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho cấp huyện để thực hiện Tiểu dự án 3 thuộc Dự án 4 của Chương trình.

**Điều 10. Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện nghèo**

1. Vốn sự nghiệp phân bổ cho huyện nghèo An Lão thực hiện hỗ trợ xây mới, sửa chữa nhà ở của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

2. Định mức hỗ trợ: Ngân sách trung ương hỗ trợ xây dựng nhà ở mới 40.000.000 đồng/hộ; sửa chữa nhà ở là 20.000.000 đồng/hộ từ nguồn vốn sự nghiệp.

3. Ngân sách địa phương đối ứng phần kinh phí địa phương để hỗ trợ xây dựng mới, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

4. Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để hỗ trợ thêm cho hộ nghèo, hộ cận nghèo xây mới, sửa chữa nhà ở (nếu có).

**Điều 11. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**

1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Phân bổ vốn ngân sách nhà nước của Tiểu dự án: Tối đa 30% cho các sở, ban, ngành của tỉnh; tối thiểu 70% cho cấp huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương:

(1) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 5%	0,5
Từ 5% đến dưới 15%	0,6
Từ 15% trở lên	0,7

(2) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện.

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,45
Từ 2.000 đến dưới 5.000 hộ	0,5
Từ 5.000 hộ trở lên	0,6

(3) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

## (4) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 11 xã	1
Từ 11 xã đến 16 xã	1,15
Từ 17 xã trở lên	1,3

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương:

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng cấp huyện được tính theo công thức:

$$N_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i + D_i$$

Trong đó:

$N_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho cấp huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện thứ  $i$  theo công thức:  $Y_i = 0,12 \cdot HN_i + ĐV_i$

$HN_i$  là hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo).

$D_i$  là nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chủ trì Tiểu dự án của huyện thứ  $i$ .

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một cấp huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G - D}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

Trong đó:  $G$  là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho cấp huyện để thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 6;  $D$  là tổng nhu cầu kinh phí thực hiện nội dung đặc thù giảm nghèo về thông tin của các huyện.

## 2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Phân bổ ngân sách nhà nước của Tiểu dự án: Tối đa 35% cho các sở, ban, ngành của tỉnh; tối thiểu 65% cho cấp huyện.

b) Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương:

## (1) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 5%	0,5
Từ 5% đến dưới 15%	0,6
Từ 15% trở lên	0,7

(2) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,45
Từ 2.000 đến dưới 5.000 hộ	0,5
Từ 5.000 hộ trở lên	0,6

(3) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

(4) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã	Hệ số
Dưới 11 xã	1
Từ 11 xã đến 16 xã	1,15
Từ 17 xã trở lên	1,3

c) Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương:

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng cấp huyện được tính theo công thức:

$$P_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$P_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho cấp huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện thứ  $i$ , được tính theo công thức:  $Y_i = 0,12 \cdot HN_i + ĐV_i$

$HN_i$  là hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo).

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một cấp huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

$G$  là tổng số vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho cấp huyện để thực hiện Tiểu dự án 2 thuộc Dự án 6 của Chương trình.

**Điều 12. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình**

1. Phân bổ ngân sách nhà nước của Dự án: Tối đa 25% cho các sở, ban, ngành của tỉnh; tối thiểu 75% cho cấp huyện.



2. Tiêu chí và hệ số phân bổ vốn cho địa phương:

a) Tiêu chí 1: Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

Tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 5%	0,5
Từ 5% đến dưới 15%	0,6
Từ 15% trở lên	0,7

b) Tiêu chí 2: Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện

Tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo	Hệ số
Dưới 2.000 hộ	0,45
Từ 2.000 đến dưới 5.000 hộ	0,5
Từ 5.000 hộ trở lên	0,6

c) Tiêu chí 3: Địa bàn khó khăn

Địa bàn khó khăn	Hệ số
Huyện nghèo	0,12

d) Tiêu chí 4: Số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện

Số đơn vị hành chính cấp xã của địa phương	Hệ số
Dưới 11 xã	1
Từ 11 xã đến 16 xã	1,15
Từ 17 xã trở lên	1,3

3. Phương pháp tính, xác định phân bổ vốn cho địa phương:

Vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho từng cấp huyện được tính theo công thức:

$$R_i = Q \cdot X_i \cdot Y_i$$

Trong đó:

$R_i$  là vốn ngân sách nhà nước phân bổ cho cấp huyện thứ  $i$ .

$X_i$  là tổng số các hệ số tiêu chí tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo; tổng số hộ nghèo và hộ cận nghèo của cấp huyện thứ  $i$ .

$Y_i$  là tổng hệ số tiêu chí vùng khó khăn, số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện thứ  $i$ , được tính theo công thức:  $Y_i = 0,12 \cdot HN_i + ĐV_i$

$HN_i$  là hệ số của địa bàn khó khăn (huyện nghèo).

$ĐV_i$  là hệ số đơn vị hành chính cấp xã của cấp huyện thứ  $i$ .

$Q$  là vốn bình quân của một cấp huyện, được tính theo công thức:

$$Q = \frac{G}{\sum_{i=1}^n X_i \cdot Y_i}$$

G là tổng vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn ngân sách trung ương và vốn ngân sách địa phương) phân bổ cho cấp huyện để thực hiện Dự án 7.

### **Điều 13. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính hướng dẫn các sở, ngành và địa phương xây dựng kế hoạch và đề xuất phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 5 năm và hằng năm thực hiện Chương trình.

b) Chủ trì, tổng hợp kế hoạch và đề xuất phân bổ ngân sách trung ương và đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình giai đoạn 5 năm và hằng năm của các sở, ngành, địa phương gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, giao Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan tham mưu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

#### **2. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất phương án cân đối, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước hằng năm, trung hạn cho Chương trình.

b) Chủ trì, tổng hợp phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm trong giai đoạn 2021 - 2025 cho các sở, ngành và địa phương thực hiện bảo đảm đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định.

c) Phối hợp kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình sử dụng kinh phí đầu tư dự án thuộc Chương trình của các sở, ban ngành, địa phương thực hiện. Theo dõi, tổng hợp và báo cáo kết quả giải ngân nguồn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình.

#### **3. Sở Tài chính**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phân bổ kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách Nhà nước trung hạn, hằng năm trong giai đoạn 2021-2025, để thực hiện chương trình theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định.

b) Hướng dẫn việc thực hiện quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 theo đúng quy định hiện hành.

c) Phối hợp kiểm tra định kỳ và đột xuất tình hình sử dụng kinh phí các chính sách, dự án thuộc Chương trình của các sở, ban ngành, địa phương thực hiện. Theo dõi, tổng hợp và báo cáo kết quả giải ngân nguồn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình.

**4. Các sở, ban ngành chủ trì, quản lý các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của Chương trình.**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các địa phương xây dựng phương án phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương, vốn đối ứng của địa phương trung hạn và hằng năm thực hiện dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình do sở, ban ngành quản lý theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định, gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp.

b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án, tiểu dự án thành phần do sở, ban ngành được giao chủ trì, quản lý.

**5. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

a) Lập kế hoạch vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm thuộc Chương trình theo đúng các nguyên tắc, tiêu chí và định mức tại Quy định này.

b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án trong kế hoạch vốn đầu tư phát triển và sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước trung hạn và hằng năm thuộc Chương trình của địa phương quản lý.

c) Bố trí vốn đối ứng của ngân sách địa phương để thực hiện chương trình và thực hiện theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quy định này./.